TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN LÊ CHÂN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/KDTM-ST
Ngày 29-11-2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LÊ CHÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nam Ninh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hạnh

Bà Phạm Thị Bích Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2019/TLST-KDTM ngày 05 tháng 4 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 596/2019/QĐXXST-KDTM ngày 28 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 638/2019/QĐST-KDTM ngày 13 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP V (sau đây gọi tắt là Ngân hàng); địa chỉ trụ sở: Số 89 L, phường L, quận Đ, thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hoàng Đình H – Trưởng bộ phận xử lý nợ Ngân hàng TMCP V và ông Nguyễn Minh H – Cán bộ xử lý nợ Ngân hàng TMCP V là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (văn bản ủy quyền số 2396/2018/UQ-VPB ngày 31/12/2018), có mặt.

- *Bị đơn*: Công ty TNHH Vận tải và xây dựng D (sau đây viết tắt là Công ty D); địa chỉ trụ sở: Số 61/280 T, phường N, quận L thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Đắc D – Giám đốc Công ty; nơi ĐKHKTT: Số 18/12 C, phường T, quận L, Hải Phòng; nơi tạm trú: Số 69 N, phường H, quận L, Hải Phòng là người đại diện theo pháp luật, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 21/01/2019 của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V trình bày:

Ngân hàng TMCP V và Công ty D có ký kết với nhau các Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ có nội dung cụ thể như sau:

Ngày 23/7/2015, Ngân hàng TMCP V và Công ty D có ký kết hợp đồng tín dụng số 200715-760671-01-SME và khế ước nhận nợ kèm theo với nội dung: Số tiền vay là 7.962.500.000 đồng; thời hạn của hạn mức: 36 tháng, kể từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên; mục đích vay: Thanh toán một phần tiền mua 05 chiếc xe ô tô tải tự đổ CNHTC HOWO 70T.

Lãi suất trong hợp đồng tín dụng được tính như sau: Lãi suất vay trong hạn tại thời điểm giải ngân đầu tiên là: 11,75 %/năm, mức lãi suất này sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần. Mức điều chỉnh lãi suất bằng lãi suất bán vốn của Ngân hàng đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 3,8%/năm. Lãi suất bán vốn là mức lãi suất do Hội sở chính của Ngân hàng đơn phương xác định; lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn; phạt chậm trả lãi: Khoản nợ lãi quá hạn sẽ phải chịu tiền phạt chậm trả, số tiền phạt chậm trả được tính theo công thức: Số tiền lãi chậm trả (x) số ngày chậm trả (x) 150% lãi suất cho vay trong hạn đang áp dụng tại thời điểm quá hạn/30 (nếu lãi suất tính theo tháng), 360 (nếu lãi suất tính theo năm).

Phương thức trả nợ: Trả nợ gốc: Bên vay phải trả nợ gốc cho Bên Ngân hàng định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 05 hàng tháng, kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 05/8/2015, tổng cộng 36 kỳ. Số tiền nợ gốc mà bên vay phải trả mỗi kỳ là 221.200.000 đồng, số tiền còn lại được trả vào ngày đáo hạn của hợp đồng; Trả nợ lãi: Bên vay phải trả tiền lãi cho Bên Ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 05 hàng tháng, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 05/8/2015.

Ngày 20/11/2015, Ngân hàng TMCP V và Công ty D có ký kết hợp đồng tín dụng số 191115-760671-01-SME ngày 20/11/2015 và Khế ước nhận nợ kèm theo với nội dung như sau: Số tiền vay là 220.000.000 đồng; thời hạn của hạn mức: 06 tháng, kể từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên; mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động

phục vụ mục đích vận chuyển của công ty.

Lãi suất trong hợp đồng tín dụng được tính như sau: Lãi suất vay trong hạn tại thời điểm giải ngân đầu tiên là: 11,75 %/năm, mức lãi suất này sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần. Mức điều chỉnh lãi suất bằng lãi suất bán vốn của Ngân hàng đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 3,8%/năm. Lãi suất bán vốn là mức lãi suất do Hội sở chính của Ngân hàng đơn phương xác định; lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn; phạt chậm trả lãi: Khoản nợ lãi quá hạn sẽ phải chịu tiền phạt chậm trả, số tiền phạt chậm trả được tính theo công thức: số tiền lãi chậm trả (x) số ngày chậm trả (x) 150% lãi suất cho vay trong hạn đang áp dụng tại thời điểm quá hạn/30 (nếu lãi suất tính theo tháng), 360 (nếu lãi suất tính theo năm).

Phương thức trả nợ: Trả nợ gốc: Bên vay phải trả nợ gốc cho Bên Ngân hàng định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 10 hàng tháng, kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 10/12/2015, tổng cộng 06 kỳ. Số tiền nợ gốc mà bên vay phải trả mỗi kỳ là 36.700.000 đồng, số tiền còn lại được trả vào ngày đáo hạn của hợp đồng; Trả nợ lãi: Bên vay phải trả tiền lãi cho Bên Ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 10 hàng tháng, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 10/12/2015.

Sau đó, ngày 22/7/2016 Ngân hàng TMCP V và Công ty D có ký kết Phụ lục Khế ước nhận nợ số 02/PLKUNN sửa đổi, bổ sung Khế ước nhận nợ số 191115-760671-01-SME ngày 20/11/2015 có nội dung: Gia hạn số tiền nợ gốc là 73.200.000 đồng đến ngày 10/4/2017; Gia hạn toàn bộ số tiền nợ lãi quá hạn tính đến ngày 22/7/2016 là 0 đồng; Phương thức trả nợ: Các kỳ trả nợ gốc kể từ ngày ký phụ lục này: Bên vay phải trả nợ gốc cho Bên Ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 10 hàng tháng, kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 10/3/2017, tổng cộng gồm 02 kỳ. Số tiền nợ gốc mà bên vay phải trả mỗi kỳ là 36.600.000 đồng; các kỳ trả nợ lãi: Bên vay phải trả tiền lãi cho Bên Ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 10 hàng tháng, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 10/03/2017; số tiền nợ lãi được gia hạn sẽ được trả đều hàng tháng trong 02 kỳ là kỳ 10/3/2017 và 10/4/2017.

Tài sản đảm bảo cho 02 hợp đồng tín dụng là:

+ 01 chiếc xe ô tô tải tự đổ nhãn hiệu CNHTC, BKS: 15C-158.83 theo Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 017299 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an TP Hải Phòng cấp ngày 16/07/2015 mang tên Công ty TNHH Vận tải và Xây dựng D.

+ 01 chiếc xe ô tô tải tự đổ nhãn hiệu CNHTC, BKS: 15C-159.57 theo Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 017302 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an TP Hải Phòng cấp ngày 16/07/2015 mang tên Công ty TNHH Vận tải và Xây dựng D.

+ 01 chiếc xe ô tô tải tự đổ nhãn hiệu CNHTC, BKS: 15C-157.46 theo Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 017297do Phòng Cảnh sát giao thông Công an TP Hải Phòng cấp ngày 16/07/2015 mang tên Công ty TNHH Vận tải và Xây dựng D.

+ 01 chiếc xe ô tô tải tự đổ nhãn hiệu CNHTC, BKS: 15C-159.71 theo Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 017304 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an TP Hải Phòng cấp ngày 16/07/2015 mang tên Công ty TNHH Vận tải và Xây dựng D.

+ 01 chiếc xe ô tô tải tự đổ nhãn hiệu CNHTC, BKS: 15C-159.81 theo Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 017303 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an TP Hải Phòng cấp ngày 16/07/2015 mang tên Công ty TNHH Vận tải và Xây dựng D.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã thực hiện việc giải ngân cho Công ty D đúng theo quy định của các hợp đồng tín dụng, cụ thể: Ngày 23/7/2015, Ngân hàng đã thực hiện giải ngân số tiền: 7.962.500.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 200715-760671-01-SME ngày 23/07/2015 và ngày 20/11/2015, Ngân hàng đã thực hiện giải ngân số tiền: 220.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 191115-760671-01-SME ngày 20/11/2015. Vậy Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty D tổng số tiền là 8.182.500.000 đồng theo các khế ước nhận nợ nêu trên. Từ khi vay đến ngày 10/3/2017, Công ty D đã thực hiện trả nợ theo đúng hợp đồng tín dụng; cụ thể: Số tiền nợ gốc là 2.137.600.000 đồng (trong đó hợp đồng tín dụng số 200715-760671-01-SME ngày 23/07/2015 đã trả được số tiền nợ gốc là 1.990.800.000 đồng và hợp đồng tín dụng số 191115-760671-01-SME ngày 20/11/2015 đã trả được số tiền nợ gốc là 146.800.000 đồng) và số tiền nợ lãi là 579.994.719 đồng (trong đó hợp đồng tín dụng số 200715-760671-01-SME ngày 23/07/2015 đã trả được số tiền nợ lãi là 579.978.200 đồng và hợp đồng tín dụng số 191115-760671-01-SME ngày 20/11/2015 đã trả được số tiền nợ lãi là 16.519 đồng). Từ sau ngày 10/3/2017 đến nay, Công ty D liên tục vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo cả hai hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, đôn đốc nhưng Công ty D không trả nợ cho Ngân hàng theo đúng với hợp đồng tín dụng đã ký.

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng yêu cầu Toà án giải quyết bao gồm:

- Yêu cầu Tòa án buộc Công ty D phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số nợ còn thiếu tạm tính đến ngày 10/01/2019 là 9.365.487.978 đồng, bao gồm: Nợ gốc:

6.044.900.000 đồng; nợ lãi và phạt chậm trả lãi: 2.720.816.638 đồng và khoản nợ lãi, tiền phạt phát sinh từ ngày 11/01/2019 đến thời điểm tất toán toàn bộ nghĩa vụ trả nợ theo quy định của hợp đồng tín dụng đã ký.

Ngày 01/11/2019, Ngân hàng có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện có nội dung: Ngân hàng xin rút yêu cầu buộc Công ty D phải thanh toán tiền phạt chậm trả lãi tạm tính đến ngày 10/01/2019 là 599.771.340 đồng.

Tại phiên tòa, Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc Công ty D phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số nợ còn thiếu tạm tính đến ngày 29/11/2019 là 9.650.873.449 đồng bao gồm nợ gốc: 6.044.900.000 đồng; nợ lãi: 3.605.973.449 đồng và khoản nợ lãi phát sinh từ ngày 30/11/2019 đến thời điểm tất toán toàn bộ nghĩa vụ trả nợ theo quy định của hợp đồng tín dụng đã ký.

2. Trong trường hợp Công ty Dũng P không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ trên cho Ngân hàng TMCP V thì Ngân hàng yêu cầu Tòa án tuyên bố phát mại tài sản đảm bảo để thu hồi nợ.

Tại phiên tòa, bị đơn Công ty D vắng mặt. Trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy báo, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm này thấy rằng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật; bị đơn chưa thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 116, Điều 117, Điều 280, Điều 298; Điều 299; Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 463, Điều 466, Điều 468; Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 90, Điều 91, Điều 94, Điều 95 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng: Chấp nhận các yêu cầu của nguyên đơn.

Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Công ty D phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Vụ án kinh doanh thương mại về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn Ngân hàng TMCP V và bị đơn Công ty D khởi kiện trong thời hạn luật định và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Lê Chân, Hải Phòng. Tranh chấp phát sinh giữa các bên là tranh chấp hợp đồng tín dụng được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận Lê Chân giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn Công ty D vắng mặt tại phiên tòa không có lý do mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ lần thứ hai. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung:

[3] Hợp đồng tín dụng số 200715-760671-01-SME ngày 23/07/2015 và hợp đồng tín dụng số 191115-760671-01-SME ngày 20/11/2015 được ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn tuân thủ các quy định của pháp luật (Điều 116, Điều 117 Bộ luật Dân sự) khi giao kết nên là hợp đồng hợp pháp. Do vậy làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong những hợp đồng này.

[4] Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, Ngân hàng TMCP V đã thực hiện đúng các thỏa thuận trong hợp đồng và đã thực hiện việc giải ngân theo đúng các cam kết cho bị đơn, cụ thể: Vào ngày 23/7/2015, Ngân hàng đã thực hiện giải ngân số tiền: 7.962.500.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 200715-760671-01-SME ngày 23/07/2015 và ngày 20/11/2015, Ngân hàng đã thực hiện giải ngân số tiền: 220.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 191115-760671-01-SME ngày 20/11/2015. Về phía bị đơn, từ khi vay đến ngày 10/3/2017, Công ty D đã thực hiện trả nợ theo đúng hợp đồng tín dụng; cụ thể: số tiền nợ gốc là 2.137.600.000 đồng (trong đó hợp đồng tín dụng số 200715-760671-01-SME ngày 23/07/2015 đã trả được số tiền nợ gốc là 1.990.800.000 đồng và hợp đồng tín dụng số 191115-760671-01-SME ngày 20/11/2015 đã trả được số tiền nợ gốc là 146.800.000 đồng) và số tiền nợ lãi là 579.994.719 đồng (trong đó hợp đồng tín dụng số 200715-760671-01-SME ngày 23/07/2015 đã trả được số tiền nợ lãi là 579.978.200 đồng và hợp đồng tín dụng số 191115-760671-01-SME ngày 20/11/2015 đã trả được số

tiền nợ lãi là 16.519 đồng)). Từ sau ngày 10/3/2017 đến nay, Công ty D liên tục vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo cả hai hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, đôn đốc nhưng Công ty D không trả nợ cho Ngân hàng theo đúng với hợp đồng tín dụng đã ký. Nay Ngân hàng TMCP V yêu cầu Tòa án buộc Công ty D phải trả cho Ngân hàng tổng số nợ còn thiếu tạm tính đến ngày 29/11/2019 là 9.650.873.449 đồng bao gồm nợ gốc: 6.044.900.000 đồng; nợ lãi: 3.605.973.449 đồng. Hội đồng xét xử nhận định đối với yêu cầu của Ngân hàng TMCP V về việc buộc Công ty D phải trả số tiền nợ gốc: 6.044.900.000 đồng; nợ lãi: 3.605.973.449 đồng là hoàn toàn đúng các quy định của pháp luật nên cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn tính đến ngày 29/11/2019 là 9.650.873.449 đồng, trong đó nợ gốc: 6.044.900.000 đồng; nợ lãi: 3.605.973.449 đồng. Đồng thời Công ty D phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ theo hợp đồng.

[5] Đối với việc Ngân hàng xin rút yêu cầu buộc Công ty D phải có nghĩa vụ thanh toán khoản tiền phạt chậm trả lãi là 599.771.340 đồng, xét việc xin rút một phần yêu cầu trên là hoàn toàn tự nguyện và đúng pháp luật nên cần chấp nhận.

[6] Đối với yêu cầu phát mại tài sản của Ngân hàng TMCP V trong trường hợp Công ty D không trả được các khoản nợ trên, Hội đồng xét xử nhận định các hợp đồng thế chấp tài sản giữa Ngân hàng và Công ty D được thỏa thuận, ký kết bởi những người có đủ thẩm quyền và đăng ký thế chấp theo quy định của pháp luật. Đến hạn trả nợ Công ty Dũng Phương không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ được bảo đảm theo hợp đồng tín dụng nên Ngân hàng yêu cầu phát mại tài sản thế chấp là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Ngân hàng TMCP V không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Công ty D phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 116, Điều 117, Điều 280, Điều 298; Điều 299; Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 463, Điều 466, Điều 468; Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 90, Điều 91, Điều 94, Điều 95 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

* Xử: Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP V.

Buộc Công ty TNHH Vận tải và xây dựng D có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền là 9.650.873.449đ (chín tỷ, sáu trăm năm mươi triệu, tám trăm bảy mươi ba nghìn, bốn trăm bốn mươi chín đồng) bao gồm nợ gốc: 6.044.900.000đ (sáu tỷ, bốn mươi bốn triệu, chín trăm nghìn đồng); nợ lãi: 3.605.973.449đ (ba tỷ, sáu trăm linh năm triệu, chín trăm bảy mươi ba nghìn, bốn trăm bốn mươi chín đồng).

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V đối với nghĩa vụ thanh toán khoản tiền phạt chậm trả lãi là 599.771.340 đồng (năm trăm chín mươi chín triệu, bảy trăm bảy mươi mốt nghìn, ba trăm bốn mươi đồng).

Kể từ ngày 30/11/2019 cho đến khi thi hành xong, Công ty TNHH Vận tải và xây dựng D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất của hợp đồng tín dụng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp Công ty TNHH Vận tải và xây dựng D không thanh toán trả nợ được cho Ngân hàng TMCP V thì Ngân hàng V có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản đảm bảo để thu hồi nợ bao gồm:

+ 01 chiếc xe ô tô tải tự đổ nhãn hiệu CNHTC, BKS: 15C-158.83 theo Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 017299 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an TP Hải Phòng cấp ngày 16/07/2015 mang tên Công ty TNHH Vận tải và Xây dựng D.

+ 01 chiếc xe ô tô tải tự đổ nhãn hiệu CNHTC, BKS: 15C-159.57 theo Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 017302 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an TP Hải Phòng cấp ngày 16/07/2015 mang tên Công ty TNHH Vận tải và Xây dựng D.

+ 01 chiếc xe ô tô tải tự đổ nhãn hiệu CNHTC, BKS: 15C-157.46 theo Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 017297do Phòng Cảnh sát giao thông Công an TP Hải Phòng cấp ngày 16/07/2015 mang tên Công ty TNHH Vận tải và Xây dựng D.

+ 01 chiếc xe ô tô tải tự đổ nhãn hiệu CNHTC, BKS: 15C-159.71 theo Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 017304 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an TP Hải Phòng cấp ngày 16/07/2015 mang tên Công ty TNHH Vận tải và Xây dựng D.

+ 01 chiếc xe ô tô tải tự đổ nhãn hiệu CNHTC, BKS: 15C-159.81 theo Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 017303 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an TP Hải Phòng cấp ngày 16/07/2015 mang tên Công ty TNHH Vận tải và Xây dựng D.

- Về án phí: Công ty TNHH Vận tải và Xây dựng D phải nộp 117.650.873đ (một trăm mười bảy triệu, sáu trăm năm mươi nghìn, tám trăm bảy mươi ba đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí 58.680.000đ (năm mươi tám triệu, sáu trăm tám mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0012597 ngày 05/4/2019 đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Lê Chân, Hải Phòng.

Ngân hàng TMCP V có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Công ty TNHH Vận tải và Xây dựng D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

- *Về quyền yêu cầu thi hành án*: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Lê Chân;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Nam Ninh